

LUẬN THÍCH KINH NĂNG ĐOẠN KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

Tập 25, Thích Kinh Luận Bộ ,số 1513 , 3 quyển, Năng Đoạn Kim Cương
Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh Luận Thích, Vô Trước Bồ Tát tạo Tụng Thể
Thân Bồ Tát Thích Đường Nghĩa Tịnh dịch,
Nguyên Huệ Việt Dịch

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 28-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

QUYỂN 1
QUYỂN 2
QUYỂN 3
HẾT

QUYỂN 1

Kinh này: Văn, câu nghĩa, thứ lớp
Đời không minh tuệ, không thể hiểu
Đánh lễ bậc ấy dạy chúng con
Công đức vô biên sinh khởi thân.
Đủ đức như đây nên lễ kính
Dấu chân hoàng hóa dốc phụng trì
Biết rõ nẻo vận hành chánh pháp
Tâm cầu lợi khắp mọi hàm thức.

* Kinh viết: Có thể đem lại lợi ích tối thắng. Đây là căn cứ vào các Bồ-tát đã thành thực. Có thể tạo được sự phước tối thắng. Đây là căn cứ vào các Bồ-tát chưa thành thực. Thế nào là lợi ích tối thắng đối với các Bồ-tát? Lại, những gì là phước tối thắng? Đáp lại câu hỏi ấy, tụng viết:

Lợi ích thắng, nên biết

Nơi thân cùng quyền thuộc

Đạt, chưa đạt, không thối

Là phó chúc tối thắng.

Nghĩa là ở trong thân Bồ-tát, vì lợi ích kia, nên cũng có thể khiến Bồ-tát ấy tạo lợi ích cho quyền thuộc, bạn bè hiện có, gọi là lợi ích tối thắng. Ở trong thân đó, khiến pháp Phật được thâm hợp thành thực, tức là tạo lợi ích cho thân. Cũng khiến việc hóa độ các hữu tình khác, những người có thể kham nhận hiện có đều thành tựu, là đối với người thân thuộc có thể đạt được lợi ích. Nên biết như thế.

Nơi các công đức hiện có, đạt được, chưa đạt được, có thể vì họ tạo nhân không thối chuyển. Do đối với thiện hữu đã hết lòng phó thác. Đó gọi là đem sự phó chúc thù thắng mà cùng phó chúc. Ở đây, đạt được mà không thối chuyển: Là nhằm khiến không xả bỏ Đại thừa. Chưa đạt được nhưng không thối chuyển: Là khiến đối với Đại thừa, càng hướng tới nẻo thù thắng.

Các hữu tình phát tâm hướng đến thừa Bồ-tát, nên trụ như thế nào? Để đáp lại câu hỏi ấy, tụng nêu:

Nơi tâm rộng, hơn hết

Tột cùng, không điên đảo

Lợi ích, chốn ý lạc

Thừa này công đức đủ.

Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Nếu Bồ-tát tạo bốn thứ ý lạc lợi ích ấy, khởi đầu là trụ phát tâm, đối với Đại thừa có đủ ý lạc đó, mới có thể gọi là công đức viên mãn.

Những gì là 4 ý lạc lợi ích? Đó là:

1. Rộng lớn.
2. Hơn hết.
3. Tột cùng.

4. Không điên đảo.

* Kinh viết: Các hữu tình phát tâm hướng đến thừa Bồ-tát, nên sinh tâm như vậy: Nói rộng cho đến: Tất cả như thế. Đây là nêu rõ về ý lạc lợi ích rộng lớn.

+ Ta đều khiến nhập Niết-bàn vô dư, đạt được giải thoát: Đây là làm rõ về ý lạc lợi ích hơn hết.

+ Tuy hóa độ vô lượng chúng sinh như thế, cho đến: Không gọi là Bồ-tát. Đây là làm rõ về ý lạc lợi ích tột cùng.

Đây là có ý gì? Tức muốn biện minh tất cả chúng sinh hiện có thấy đều thâm giữ đồng với Bồ-tát. Thân mình do đây chỉ là vắng lặng. Thân mình không khác biệt với hữu tình. Nếu tạo sự dị biệt là có chúng sinh, không phải là tướng của chính mình, thì đây tức không gọi là Bồ-tát. Nếu thâm giữ làm thể của mình, tức là tận cùng không xả bỏ. Do đây gọi là ý lạc tột cùng.

+ Nếu Bồ-tát có tướng về ngã, tướng về chúng sinh, tướng về thọ giả, tướng về cánh cầu thú, tức không gọi là Bồ-tát: Đây là nêu rõ về ý lạc lợi ích không điên đảo. Đó tức do dựa nơi hữu thân kiến, nên các tướng như ngã v.v... sinh khởi. Vì khiến chánh đoạn là không điên đảo, nên phân tiếp sau sẽ hiển bày.

Các hữu tình phát tâm hướng đến thừa Bồ-tát nên tu hành như thế.

* Kinh viết: Bồ-tát không trụ nơi sự để hành bố thí, nói rộng như vậy. Ở đây do đâu chỉ dùng một tiếng bố thí mà gồm thâm chung hết thấy sáu thứ Ba-la-mật? Kệ đáp:

Sáu Độ đều gọi thí

Do tài, pháp, vô úy

Trong đó một, hai, ba

Gọi tu hành chẳng trụ.

Tức nêu rõ sáu Độ ấy đều có tướng thí. Tánh của thí do tài, pháp, vô úy. Tài thí gồm thâm một thứ, đó là Thí Ba-la-mật. Vô úy thí gồm thâm hai thứ là Giới, Nhẫn Ba-la-mật. Nơi không oán thù (Giới) cùng xứ oán thù (Nhẫn)

đều không sợ hãi. Pháp thí gồm sáu ba: Là Cần (tinh tấn), Định, Tuệ. Do quên hẳn một nhọc (Cần), rõ tâm kia rồi (Định) thì nêu giảng pháp như thật (Tuệ). Đây là xứ tu hành của Đại Bồ-tát, tức dùng một tiếng thí, gồm sáu hết sáu Độ.

* Kinh viết: Bồ-tát không trụ nơi sự để hành bố thí v.v...: Ở đây thế nào là tánh không trụ? Tụng nêu:

Là tự thân, báo ân

Quả báo, đều không chấp.

+ Nói không trụ nơi sự: Đó là hiển bày không chấp trước nơi tự thân.

+ Không trụ theo xứ để hành bố thí: Đây là làm rõ không chấp trước nơi báo ân, đối với lợi dưỡng cung kính. Cầu ân, mong xứ có lợi ích, sự việc ấy có nhiều đường, nên gọi là: Không nên theo xứ sinh chấp trước mà hành bố thí.

+ Không trụ nơi sắc v.v...: Là không chấp trước nơi quả báo.

Hỏi: Do đâu hành không trụ như thế để bố thí?

Tụng nêu:

Là lìa nơi không khởi

Cùng lìa các hành khác.

Do quán luyến tự thân, không hành bố thí, vì nhằm lìa tâm không dấy khởi bố thí ấy, nên chớ chấp trước tự thân, nên mau chóng hành thí. Vì tâm mong báo ân, cùng mong cầu quả, nên bèn xả bỏ tánh của quả Bồ-đề Chánh giác. Do ở nơi các sự khác mà hành tuệ thí, vì thế nên xả bỏ cầu hành thí khác.

Phần tiếp sau sẽ nói về thân phục tâm. Sự ấy như thế nào? Tụng nêu:

Thân phục tại ba luân

Nơi tướng, tâm trừ dứt

Các nghi hoặc về sau

Theo đời, thấy đều diệt.

* Kinh viết: Bồ-tát nên hành bố thí như thế, cho đến: Tướng tướng cũng không nên chấp trước: Đây là hiển bày về vật được xả thí, cùng đối tượng được thí là chúng sinh và chủ thể thí.

Nơi ba xứ ấy, đều trừ bỏ tâm tướng chấp.

Tiếp đến là nêu rõ về lợi ích của bố thí. Hoặc có vấn nạn: Đã ở nơi thí v.v..., lia các tướng trạng, như thế thì có đạt được phước đức, lợi ích? Vì đáp lại vấn nạn ấy, nên nói là sinh phước rất nhiều.

Hỏi: Vì sao nêu bày về tu hành ở sau, không làm sáng rõ về phước lợi đối với việc thâm phục, sau đây mới bắt đầu nói?

Đáp: Vì nhằm hiển bày: Nếu người không chấp trước nơi tướng, tướng, mới có thể hành bố thí không chấp trước.

Từ đây trở về sau, phần văn kinh hiện có đều là nhằm trừ bỏ các nghi hoặc tiếp sau. Ở đây, tức có sinh nghi như thế.

Hỏi: Nếu không gắn liền với pháp mà hành bố thí, thì làm sao hành tuệ thí để cầu thắng quả Chánh giác?

Nhằm đáp lại nghi vấn ấy, nên kinh viết: Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng tướng thù thắng để quán Như Lai chăng? Nói rộng như thế. Tụng nêu:

Nếu dùng để hợp tạo

Diệu tướng phi thắng tướng

Ba tướng đời đời khác

Không đầy tức Như Lai.

Nếu cho Như Lai là do nhân duyên như bố thí v.v... tạo nên, thì ở trong tướng hữu vi đạt được tánh tối thắng, tức thấy Như Lai có thắng tướng kia. Nếu đối chiếu với tánh chân như của Như Lai, tức không có thắng tướng ấy. Do vậy, không nên dùng tướng để quán Như Lai. Do Pháp thân kia không phải là chỗ hiển bày của hợp tạo, nên tiếp theo nói: Vì sao? Vì Như Lai nói thắng tướng kia nơi ba tướng là đời khác. Do thắng tướng ấy tức phi thắng tướng.

Ở đây ý nói thể của ba tướng là đời chuyển, nên này Diệu Sinh (Tu-bồ-đề)! Thắng tướng hiện có đều là hư vọng. Vì vậy, nên dùng thắng tướng phi tướng để quán Như Lai.

Ý này nhằm làm rõ: Từ nhân sinh pháp là hư giả, nên không. Đây nghĩa là Như Lai do hoàn toàn không có ba thứ tướng kia. Do là tướng ấy, tức lấy vô tướng làm tướng. Nếu ở nơi xứ đó, không sinh khởi tánh biến dị trụ diệt, có thể nhận biết rõ: Đây là hiển bày Như Lai không là tánh tạo tác của hữu vi, do nhân duyên tạo thành. Như vậy là giải thích rõ về tánh của Như Lai rồi, tuy vì quả Phật mà hành bố thí, không phải là chấp trước nơi pháp thí, tức là trừ bỏ niệm nghi. Tiếp sau diệu sinh lại khởi niệm nghi lần nữa: Nếu do hành không trụ như thế để bố thí, tức là nhân hết sức thâm diệu. Lại nói Như Lai là tánh vô vi, tức là quả vô cùng sâu xa. Vì sao vào đời sau cùng có được người tin, khiến quả báo kia không bị dứt bỏ? Vì đoạn trừ nghi ấy, tụng nêu:

Nhân cùng quả sâu xa

Lúc nơi ác kia nói

Đây chính là lợi ích

Do ba, Bồ-tát khác.

Nếu ở đời sau cùng mà có Bồ-tát gồm đủ giới, đức, tuệ, do đây nói pháp, quả lợi không hư dối. Tụng nêu:

Từ nơi chốn Phật trước

Phụng trì về giới học

Cùng gieo trồng thiện căn

Gọi đủ giới đủ đức.

* Kinh viết: Nhưng Bồ-tát kia không phải ở nơi một Đức Phật mà hành sự cúng dường. Không phải ở nơi một Đức Phật gieo trồng các thiện căn: Đây là hiển bày, nơi trụ xứ của Đức Phật trước, vì trì giới mà hành cung kính, thừa sự, cùng gieo trồng các thiện căn. Như thứ lớp ấy tức là đủ giới đủ đức. Tiếp theo là làm rõ về người đủ tuệ. Tụng nêu:

Hay đoạn trừ tướng ngã

Cùng do nơi tướng pháp

Đây gọi là đủ tuệ

Hai, bốn khác thành tám.

Đây là nêu rõ: Tướng ngã có bốn, tướng pháp cũng có bốn, nên thành tám tướng. Tụng nêu:

Thê riêng nối tiếp khởi

Đến thọ mạng hết, trụ

Lại cầu tìm nẻo khác

Tướng tướng có bốn thứ.

Bốn thứ tướng ngã:

1. Tướng ngã.
2. Tướng hữu tình.
3. Tướng thọ giả.
4. Tướng cánh cầu thú.

Bốn thứ ấy chẳng đồng. Ở đây nơi hữu tình của năm uẩn, mỗi mỗi riêng biệt tự sinh, đoạn dứt là tướng ngã, thấy nối tiếp khởi, tạo tướng hữu tình, cho đến thọ mạng tồn tại, tạo tướng thọ giả. Mạng căn đã diệt, chuyển cầu hữu sau, là tạo tướng cánh cầu thú. Bốn thứ tướng pháp, tụng nêu:

Đều không nên chẳng có

Có nên không thể nói

Là nêu bày về nhân

Tướng pháp có bốn thứ.

Bốn thứ tướng pháp:

1. Tướng pháp.
2. Tướng không pháp.
3. Tướng có.
4. Tướng không.

Đây nghĩa là chủ thể giữ lấy, đối tượng được giữ lấy là các pháp đều không, nên tướng pháp không sinh, tức tướng không pháp. Chúng không phải là có pháp mà là không tự tánh. Tánh không có, nên không phải là tướng không pháp. Tức chúng không phải có, có không phải là tánh có. Không phải là ngôn từ nơi đối tượng được nêu giảng, nên không phải là tướng có. Là nhân của ngôn thuyết nên không phải là tướng không. Do sức của tướng, nên tuy không phải là ngôn từ hiển bày mà cho là ngôn thuyết, nên có tám nghĩa chẳng đồng. Vì tám tướng của ngã và pháp dứt hết, nên gọi là người đủ tuệ. Nghĩa này có ý gì? Tức chỉ nơi gồm đủ tuệ mà nói, không phải là đủ giới đủ đức, vì sao? Đáp: Vì hiển bày về tướng thật có sai biệt, nên nói như thế. Tụng nêu:

Do lực tin hiểu kia

Tin nên sinh tướng thật

Chẳng như lời chấp giữ

Chấp giữ cho chánh thuyết.

Do nghĩa ấy nên nói. Về sau, tức gọi là người có thể nghe kinh điển này sinh khởi nhất tâm tin tưởng. Do gồm đủ tuệ, nên không như ngôn thuyết mà chấp giữ. Cùng do tùy thuận trí thắng nghĩa, nên dùng làm chánh thuyết, gọi là tướng thật. Vì lý ấy nên nói, về sau tức cho là không nên giữ lấy làm pháp, không nên giữ lấy làm phi pháp. Không nên như ngôn thuyết dùng làm pháp, cũng lại chẳng tức cho là phi pháp. Do đây là có thể tùy thuận trí thắng nghĩa, dùng làm chánh thuyết. Tức là kinh nói: Nghe thuyết giảng kinh này sinh khởi tin thật chẳng?

* Kinh viết: Diệu Sinh! Như Lai đều đã thấy biết về người ấy v.v...: Là hiển bày nghĩa gì? Tụng nêu:

Phật rõ quả không đôi

Do nguyện trí nên biết.

Người có đủ giới v.v... kia, với quả báo hiện có, Phật không dùng so sánh để nhận biết, nhưng do hiện lượng của nguyện trí mà thấu tỏ. Nếu không nói thấy, thì hoặc cho là do so sánh nên biết. Nếu không nói biết, thì e cho là do nhục nhãn v.v... mà thấy. Thế nên cùng nói là thấy, biết. Do đâu Đức Thế Tôn nói như vậy? Tụng nêu:

Vì cầu được lợi, kính

Ngăn chỗ tự nêu ấy.

Kẻ đủ giới kia, vì cầu được lợi dưỡng, cung kính, nên tự nói về đức của mình, liền sinh niệm: Đức Như Lai đã từ xa thấy rõ Ta, vì vậy, không nên tự nói.

* Kinh viết: Diệu Sinh! Các hữu tình kia sẽ sinh, sẽ gồm thâu vô lượng nhóm phước: Đây là nêu về nghĩa gì? Tức khiến nhóm phước kia sẽ sinh. Lại, phước kia sẽ có thể nối tiếp, huân tập không dứt.

Nói có ngã chấp v.v...: Ý nói có tánh của tùy miên, không phải là có chấp hiện hành.

* Kinh viết: Do đó, Như Lai mật ý tuyên thuyết về pháp môn dụ như chiếc bè. Các hữu tình trí tuệ, pháp hãy còn nên bỏ, hướng chi là phi pháp. Ở đây có mật ý gì? Tụng nêu:

Chúng chẳng trụ nơi pháp

Đó chính là tùy thuận

Cũng như bỏ bè kia

Là mật ý, nên biết.

Nghĩa là đối với các pháp như kinh v.v..., không phải là trụ xứ của tăng thượng chứng. Tức được chứng rồi, nên xả bỏ pháp đó. Như tới bờ kia thì xả bỏ chiếc bè. Đối với tăng thượng chứng, là tùy thuận, nên cần thâu giữ. Như chưa đạt đến bờ tắt nhờ vào bè ấy. Đó gọi là mật ý.

Trên một chiếc bè có sự lấy, bỏ, nên gọi là mật. Nếu là từ nơi khác, không phải là thuận chứng lý pháp, cần xả bỏ. Nên tiếp theo sau lại là trừ nghi. Thế nào là văn ở trên viết: Không nên dùng thẳng tướng để quán Như Lai. Vì Như Lai là từ nơi vô vi hiển bày tánh. Nếu như thế, thì vì sao lại nói: Như Lai Thích-ca Mâu-ni chứng đắc Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng, mới có thể tuyên dương pháp giáo hiện có. Do đạo lý ấy, nên Như Lai kia không phải là Chánh giác, cũng khiến thuyết pháp. Đáp lại nghi vấn ấy, tụng nêu:

Hóa, thể không Phật thật

Cũng không người thuyết pháp.

Do có 3 Phật:

1. Phật Pháp thân.
2. Phật Thọ dụng thân.
3. Phật Hóa thân.

Nói Phật Thích-ca Mâu-ni, tức là Hóa thân. Đây chính là gốc, không phải là chứng giác, cũng không thuyết pháp độ sinh. Văn viết: Vì sao? Vì Phật đã thuyết pháp v.v... Vì nhằm ngăn trừ sự bài bác chung về tất cả sự việc thuyết pháp, nên nói:

Hóa, thể không Phật thật

Cũng không người nói pháp.

Nhưng chẳng phải toàn bộ là không. Tụng nêu:

Thuyết pháp không hai thứ

Chỗ nói lìa giảng nêu.

Hai thứ như thế, nghĩa là pháp tánh, phi pháp tánh, phi tai có thể nghe, phi lời có thể nói. Do đó nên biết, phi pháp, phi - phi pháp. Đây là căn cứ nơi đạo lý của chân như mà nói. Phi kia là pháp, nghĩa là pháp, tánh là vô vi. Lại, phi - phi pháp. Do pháp kia không tự tánh, thể là có, vì sao chỉ nói pháp của đối tượng được nêu giảng, không nói người chủ thể chứng đắc?

Đáp: Chỉ nói về đối tượng được thuyết giảng thì nghĩa của chủ thể chứng đắc hiển bày, do phi chẳng giác tức có được đối tượng nêu giảng.

* Kinh viết: Do các bậc Thánh đều từ nơi vô vi mà được hiển bày: Là nêu rõ về nhân của pháp ấy. Do các Thánh nhân đều từ pháp thanh tịnh của chân như mà hiển hiện, nên gọi là chỗ hiển bày của vô vi, vì thế, Thánh nhân trở lại thuyết giảng pháp vô vi. Phạm các sự hiện có, ngôn từ không thể nêu bày: Đây tức nêu đâu có thể giữ lấy. Tự tánh của pháp kia không phải là xứ hành của ngôn thuyết, làm rõ đây tức là tánh phi ngôn thuyết. Do đâu trong ấy không có lựa chọn phân biệt, để nói chung về Thánh giả, không chỉ nói Phật?

Đáp: Vì làm rõ Thánh nhân đều từ nơi chân như thanh tịnh hiển bày. Do có một phần tịnh của hoàn toàn tịnh, theo chỗ ứng hợp, nên không có lỗi. Lại nói phước sai khác, là muốn hiển bày về gì?

Đáp: Pháp tuy thật tánh là không thể giữ lấy, cùng không thể nói, nhưng mà có ích. Tụng nêu:

Tự thọ, vì khác nói

Hợp phước không vô ích.

Do đâu kinh viết: Thế Tôn! Nhóm phước này, tức không phải là nhóm phước, thế nên Như Lai nói là nhóm phước, nhóm phước. Tụng nêu:

Phước không giữ Bồ-đề

Hai ấy đều nên giữ.

Nói phước đối với Bồ-đề không thể gánh giữ. Hai thứ đối với Bồ-đề là có thể thọ trì. Ý của tụng là như thế. Thế nào gọi là hai? Nghĩa là tự thọ nhận và vì kẻ khác giảng nói.

* Kinh viết: Đã tự thọ nhận rồi, ở nơi kẻ khác diễn nói. Chưa rõ lời ấy sắp nêu về nghĩa gì? Do tiếng nhóm (tụ) kia có 2 thứ nghĩa:

1. Nghĩa tích tụ.
2. Nghĩa gánh vác.

Cũng như ở nơi vai, có thể gánh vác, vì vậy nên gọi vai là tỵ (Nhóm). Do lý ấy, nên phước kia tích tỵ, gọi là phước tỵ. Do không thể nhận giữ Bồ-đề, nên nói là phi tỵ, tức chẳng phải là nghĩa về vai gánh vác, mà là nghĩa tích tỵ. Hai thứ đó là nhân của Bồ-đề, nên phước mới rất nhiều.

Hỏi: Do đâu hai thứ ấy có thể nhận giữ Bồ-đề? Vì hiển bày nghĩa ấy, nên kinh nói: Vì sao? Này Diệu Sinh! Do quả Bồ-đề Vô thượng của các Như Lai đã từ nơi kinh này xuất sinh. Vì sao Bồ-đề gọi là xuất, chư Phật gọi là sinh? Tụng nêu:

Đạt nhân của tỵ tánh

Phân khác ấy là sinh.

Nói Bồ-đề tức là Pháp thân. Đây là tánh vô vi, nên gọi là tỵ tánh. Do đó, hai thứ ấy là đạt được nhân của tỵ tánh kia, không phải là nhân sinh. Nếu đối chiếu với hóa thân thọ dụng khác đây, là nhân sinh. Do sự thân cận ấy, có thể nắm giữ Bồ-đề, nên sinh phước đức rất nhiều. Vì hiển bày nghĩa đó, nên kinh nói: Vì sao? v.v... Tức do đâu đó là nhân có thể thành lập? Tụng nêu:

Nên chính là pháp Phật

Hay thành phước tối thắng.

Nói Như Lai thuyết giảng là phi Phật pháp: Đây hiển bày về pháp của đối tượng được giác ngộ, chỉ Phật mới có thể chứng đắc, do tánh bất cộng, thế nên là tối thắng. Đây là tánh của nhân nơi phước tối thắng, nên chiêu cảm phước rất nhiều. Ý nêu rõ đây là nhân gần có thể tạo thành thắng phước. Ở trên, kinh nói: Thánh nhân đều chẳng phải là chỗ hiển bày của tích tập tạo tác. Vì các bậc Thánh ấy, nơi pháp chứng đắc kia là không thể giữ lấy, không thể nêu bày. Các Thánh nhân như bậc Dự lưu v.v..., thầy đều giữ lấy tỵ quả của mình, vì sao ở đây xác nhận không phải là tánh được giữ lấy? Nơi đối tượng được giữ lấy kia mà tuyên thuyết, thì không phải là tánh không thể nêu bày? Vì nhằm dứt trừ nghi, nên sinh khởi phần văn sau, tức làm rõ phi đối tượng được giữ lấy, phi đối tượng được chứng đắc, lý khéo thành tựu. Tụng nêu:

Không giữ lấy tỵ quả

Phi có thể giữ, nói.

Do là chỗ hiển bày tánh của vô vi, nên vị kia đối với sáu cảnh không có một chút pháp nào có thể thủ đắc. Đã không thể tham dự gọi là Dự lưu, cho đến A-la-hán cũng không có pháp, vì lý đều đồng nơi Thê của pháp vô vi ấy, không thể giữ lấy cho đó là Thánh nhân. Đối với tự quả không giữ lấy, không nêu bày. Nếu Thánh nhân khởi niệm như vậy: Ta chứng đắc quả, tức là có các chấp như ngã v.v... Ý nói có tùy miên Hoặc, không phải là hiện hành. Do không phải vị kia lúc chứng hiện quán, có các chấp như ngã v.v..., mà gọi là ngã chứng đắc. Vì đâu Diệu Sinh tự nói là đắc A-la-hán? Vì khiến một phần hữu tình nhận biết là đã thân chứng. Lại tự nói đạt được trụ vô tránh, là hiển bày thân cùng thắng đức tương ưng. Vì nhằm khiến cho kẻ khác sinh tin kính hơn hết. Do ý nghĩa sâu xa gì, mà nói: Diệu Sinh đều không chỗ trụ? Nhưng đã nói: Ta đạt được trụ vô tránh, đạt được trụ vô tránh? Tụng nêu:

Giải thoát nơi hai chương

Nói Diệu Sinh không tranh.

Chương có 2 thứ:

1. Chương của phiền não.
2. Chương của định.

Đối với các chương ấy đã giải thoát, nên không trụ nơi hai chương. Vì đây nên nói lần nữa. Nói hai lần về tánh không tranh, tức là sự tranh cãi không hề có.

Tiếp theo lại khởi nghi vấn: Đức Thế Tôn, thời xa xưa, ở nơi trú xứ của Phật Nhiên Đăng, có thể giữ lấy pháp hiện có. Vị kia cũng vì người khác nêu giảng pháp yếu. Theo đây mà nói, vì sao được xác nhận là không giữ lấy, không nêu bày? Vì đáp vấn nạn ấy, nên nói: Thật không có pháp nào để Như Lai giữ lấy. Đây có ý gì? Tụng nêu:

Tại nơi Phật Nhiên Đăng

Nói không giữ pháp chứng.

Đây là nói Đức Thế Tôn nơi trú xứ của Phật Nhiên Đăng, cũng không dùng ngôn từ để giữ lấy pháp chứng đắc kia. Tụng nêu:

Do đây pháp chứng thành

Không nơi giữ chốn nêu.

Nếu nói các Thánh đều là chỗ hiển bày của vô vi, thì pháp kia không là chỗ được giữ lấy, cũng không phải là chỗ được nêu bày. Vì sao các Bồ-tát đã giữ lấy việc làm nghiêm tịnh quốc độ Phật? Lại, thân thọ dụng, vì sao tự mình cho là Pháp vương? Thế gian đối với bậc ấy cũng cho là Pháp vương? Vì dứt trừ nghi vấn ấy, nên mới sinh khởi phần văn tiếp sau. Ý ở đây, như tụng nêu:

Trí động, chỉ tánh thức

Quốc độ không chỗ giữ.

Do thật không có cõi Phật nghiêm tịnh, là sự việc có thể giữ lấy, ngoại trừ từ nơi trí tịnh của chư Phật lưu xuất, chỉ là thức hiện bày. Đây tức không thể có chỗ chấp giữ. Nếu nói thật có hình chất, là tánh có thể giữ lấy, Ta sẽ thành tựu quốc độ nghiêm tịnh, thì đây thực là vọng ngữ. Như Lai nói quốc độ kia không là nghiêm tịnh. Do đây nói là quốc độ nghiêm tịnh. Đây là có nghĩa gì? Tụng nêu:

Không hình nên hơn hẳn

Không nghiêm, cho tánh nghiêm.

Nói trang nghiêm, ở đây có 2 nghĩa:

1. Hình tướng.
2. Thắng tướng.

Đây nói tối thắng là đệ nhất nghĩa. Đây là cho không hình chất, nên cõi Phật trang nghiêm, chẳng phải là trang nghiêm, do cõi kia không là trang nghiêm đích thực, thế nên nói đây là tối thắng. Pháp thù thắng tích tập ở đây nên gọi là tối thắng. Nếu chấp có cõi Phật hình tướng thù thắng trang nghiêm, nói là Ta sẽ thành tựu cõi ấy, tức là ở nơi cảnh giới như sắc v.v..., có tâm trụ chấp. Vì nhằm ngăn chặn kiến chấp ấy, nên có văn nói về chẳng trụ. Lại sinh khởi nghi vấn: Phật của thân thọ dụng, vì sao tự mình cho là phó chúc, người khác cũng cho như thế. Vì đáp vấn nạn ấy, nên đem thân thọ dụng đồng nơi núi Diệu Cao. Văn này nhằm hiển bày nghĩa gì? Tụng nêu:

Ví như núi Diệu Cao

Nơi thọ dụng không lấy.

Như núi chúa Diệu Cao, đạt được tánh của vị Tôn chủ lớn lao hơn hẳn, nên gọi là Diệu Cao, nhưng không tự cho là tánh của núi chúa, do tánh của núi không phân biệt. Phật của thân thọ dụng cũng lại như thế: Gồm đủ tánh Pháp vương do đạt được tánh của bậc Tôn chủ lớn lao thù thắng, nên gọi là vĩ đại, thù thắng, nhưng không tự chấp giữ tánh Pháp vương kia: Ta là Pháp vương, do không còn phân biệt. Vì sao được nói là không phân biệt? Vì hiển bày nghĩa ấy, văn viết: Như Lai nói là chẳng phải thân. Do thân kia không phải là có, nên nói là có thân. Đây là có ý gì? Tụng nêu:

Tánh không phải hữu lậu

Cũng không là nhân tạo.

Nhưng thân thọ dụng, tánh không phải là hữu lậu. Do đây, không phải là có thân, nói là có thân, hiển nhiên, thuần tịnh tự thể là có, nên cũng không phải là từ nhân gây tạo. Do đây có thân, không phải là dựa vào nhân duyên khác sinh khởi. Vì sao ở trước phần hiển bày về tánh của phước đức, đã nói dụ kia, nay lại nói nữa? Tụng nêu:

Vì hiển nhiều sai biệt

Cùng do thành thù thắng

Trước sau phước không đồng

Lại nêu ra dụ nói.

Trước là nêu dụ về Tam thiên thế giới để hiển bày phước nhiều, nay nói vô số Tam thiên, là làm rõ về sự việc kia càng rộng.

Do đâu ở trước không nói dụ ấy? Là do chỗ ưa thích của người thọ hóa không đồng. Trước ít, sau nhiều, ý ở tại đây. Phước trước sai biệt, không nêu rõ nhân được thành, nên đối với Bồ-đề không có dụng của sự gánh vác, nhận giữ. Nay muốn hiển bày về tướng của nhân có thể thành lập, lại nêu dụ riêng theo sự mà nói.

HẾT - QUYỀN 1

LUẬN THÍCH KINH NĂNG ĐOẠN KIM CƯƠNG BÁT NHẢ BA LA MẬT ĐA

QUYỀN 2

Thế nào là có thể lập tướng nhân? Tụng nêu:

Hai thành, nên tôn trọng

Do đẳng lưu thù thắng

Do tánh nhân phiền não

Nên kém cũng thành hơn.

+ Nói hai thành nên tôn trọng: Là do nơi chốn nhờ gởi lưu giữ, thành Tháp miếu (Chế đê), nghĩa là vùng đất giảng nói pháp. Là chỗ dựa nơi thân kia, thành tánh tôn trọng như bậc Đại sư. Tức là người thọ trì kinh, vùng đất bố thí châu báu, cùng với chủ thể hành thí, không có sự việc như thế (?). Nên tiếp sau, văn kinh hiển bày về pháp môn ấy, chính là chỗ chứng đắc gần của chư Phật hợp với tánh của đẳng lưu.

+ Từng có pháp là Như Lai thuyết giảng chăng?: Đây là nêu rõ về ý gì? Tức nói không có pháp là riêng của Như Lai giảng nêu, đều là chư Phật cùng tuyên dương.

Lại, phước có được do bố thí châu báu ấy là nhân sinh khởi sự khổ não. Công đức của pháp môn chính là yếu tố đoạn trừ các thứ Hoặc. Hơn kém đã quá cách biệt rõ, thế nên phần tiếp sau, văn dùng vi trần làm dụ.

+ Như Lai nói tạo phi vi trần, do đây nói là vi trần. Gọi là thế giới, Như Lai nói là phi thế giới, do đây nói là thế giới. Đây là có ý gì? Nói vi trần này không là tánh trần nhiễm v.v..., do đây gọi là vi trần. Lại, thế giới kia không phải là nhân của phiền não, gọi là giới, vì đây nói là thế giới. Giới là nghĩa nhân, tức là nhân của đời. Ở đây nói, ý là hiển bày phước đức ấy chính là nhân của phiền hoặc trần cấu. Do ngoại trần kia tuy là vô ký, phước ấy dù là

thiện cũng là quá kém, so với nhân của phước đều thành Phật, mà không lại là nhỏ kém!

Lại, nghiệp phước hiện có kia có thể thành tựu tướng đại trượng phu so với nhân thành Bồ-đề này, tức phước của việc thọ trì, nêu giảng pháp môn cũng còn là kém. Do các tướng ấy không phải là thể tánh của chánh giác. Vì đây gọi là tướng đại trượng phu, là nêu rõ về tướng ấy. Do phước của việc thọ trì, giảng nói có thể đạt được tánh của Đại giác. Vì vậy gọi là kém, cũng hơn hẳn phước của hành bố thí châu báu, hướng chi là nhân của Pháp thân mà không siêu việt! Thế nên kém cũng là hơn. Tức là phước của bố thí châu báu rất kém, có thể thành lập nhân. Đây đã thành lập phước của bố thí châu báu, so với nhân của phước này có sai biệt rồi, các văn tiếp theo lại thành lập nữa. Là nhằm nêu rõ về điều gì? Tụng nêu:

Quả kia hơn hẳn khổ

Khó gặp được sự thắng

Cảnh, cõi không phải biết

Nơi phân khác chẳng cùng.

Tánh ấy rất sâu xa

Hơn khác, lược giảng nói

Tộc họ vốn, cao, hơn

So phước, phước hơn hẳn.

Đây là nêu bày về nghĩa nào? Đáp: Phước của bố thí châu báu là quả đã thọ dụng của tự thân đạt được. Thân kia là hơn, do có thể xả bỏ vô biên thân. Phước này hơn trước, vì tự thân ấy là tánh khổ, hướng chi là đem thân ấy hành bố thí.

* Kinh viết: Bấy giờ, Cụ thọ Diệu Sinh, hiểu rõ tự thân đó là sự khổ, do uy lực của pháp nên bèn rơi lệ. Pháp môn này lại là khó gặp. Diệu Sinh, từ lúc phát sinh trí đến giờ cũng chưa từng nghe. Lại là thắng sự. Ở đây nói muốn hiển bày về tên gọi của Bát-nhã. Từ đây trở xuống, ý nhằm thành lập sự thắng diệu ấy. Tức như kinh nêu: Như Lai nói là Bát-nhã Ba-la-mật-đa, đây tức phi Ba-la-mật-đa. Là do ý nghĩa sâu xa gì nên nói như thế? Đáp: Cảnh,

cõi không phải biết. Do cảnh, cõi của đối tượng được nhận biết ấy, trừ Đức Phật, kẻ khác không thể nhận biết. Tức đối với kẻ khác lại là bất cộng.

+ Pháp môn này, với tướng thật hiện có, tức là tướng thật: Là trừ giáo pháp của Phật ra, xứ khác không có.

+ Nói tướng thật: Tức chỉ xứ này có.

+ Nói phi thật: Là nghĩa ở nơi khác không sinh. Vì thế, văn nêu: Nếu có thể sinh tướng như thật, thì người ấy sẽ thành tựu sự hy hữu bậc nhất.

Lại, pháp môn này cũng là thâm diệu. Do đối với kinh ấy hoặc thọ nhận chút ít, hoặc hành trì đầy đủ, ở nơi các tướng như ngã v.v..., không còn sinh khởi. Do không còn sinh khởi các tướng đó: Là nêu rõ ở nơi nghĩa của đối tượng được nhận lấy, không có điên đảo.

+ Đối với các tướng như ngã v.v..., tức là phi tướng: Là làm rõ, ở nơi chủ thể nhận lấy không có điên đảo. Hai thứ đó, theo như trình tự là làm rõ hai trí vô tánh của ngã, pháp.

Đức Phật ở nơi nghĩa này đã thuận ấn chứng các sự việc do Tôn giả Diêu Sinh nêu bày.

+ Nói không kinh, không sợ, không hãi: Ba thứ ấy đều gọi là sợ, tức là kinh sợ, lo sợ, sợ hãi, nhưng theo sự chẳng đồng nên có ba thứ riêng. Nói kinh: Nghĩa là đối với phi xứ sinh sợ hãi. Trái vượt với lý chánh, như vượt chánh đạo, đáng chán ghét. Nói sợ: Là nổi tiếp sinh sợ hãi, tức sinh rồi, không thể đoạn trừ. Nói hãi: Là sinh tâm quyết định hoàn toàn là sợ hãi. Những thứ ấy nếu không có, tức thành tựu tâm lìa hoảng loạn, lằm lạc.

Lại, pháp môn này đã giảng tóm lược, hơn hẳn các thứ khác. Do kinh nói: Đây là Ba-la-mật-đa tối thắng, do Đức Như Lai đã thuyết giảng.

Lại, pháp môn này, tộc họ cao, thắng. Nói tộc họ thắng: Là do chư Phật cùng thuyết giảng.

Nhưng bố thí châu báu kia không có các đức viên mãn như đây. Tức là thành lập phước ấy, so với nhóm phước đức là vượt hơn, huống chi là nói riêng về lý. Chỗ gọi đối với thân là tánh khổ, thí kia tức là tánh của quả khổ, nên phước đó là thấp kém. Nhưng pháp môn này, nếu có người thọ trì, giảng nói, thì bậc Đại sĩ ấy hành các hạnh khổ, đây cũng đâu phải là chiêu cảm khổ

báo? Vì sao không phải là nhận lấy quả khổ? Vì để trừ bỏ vấn nạn ấy, nên có văn tiếp sau. Nhằm hiển bày về nghĩa gì? Tụng nêu:

Hành ấy khi gắng nhẫn

Tuy hành khổ nhưng thiện

Đức kia khó lường xét

Do đây gọi thẳng sự.

Vì tình không giận dữ

Không gọi là tánh khổ

Có an lạc, đại bi

Lúc hành, không quả khổ.

Hỏi: Đó là nêu bày về nghĩa gì?

Đáp: Nếu khiến kẻ kia lúc hành hạnh khổ, có quả khổ nào, nhưng vào khi đó, do có tánh gắng nhẫn, nên đây gọi là thẳng sự. Có 2 nhân:

1. Là tánh thiện. Do các Ba-la-mật-đa đều dùng thiện làm thể tánh.

2. Là đức kia khó lường.

Như kinh nói: Đây tức là phi Ba-la-mật-đa.

+ Do bờ cõi của đức ấy từng không nhận biết: Vì đây gọi là không nhận biết về bờ bến. Do cùng với thẳng pháp tương ưng. Tức khổ của hành khó này, so với khổ nào ở trước, tự có khác biệt, hướng hồ là tướng ngã, tướng giận dữ thể tánh không có, tất không có khổ kia. Không phải chỉ không khổ, mà lại sinh bi, lạc. Như kinh nói: Ta không có tướng ấy cũng không phải là không tướng.

+ Nói không phải là không tướng: Đây là hiển bày có tướng cùng với tâm bi tương ưng.

Căn cứ theo đây, nói về lý, nếu các hữu tình, đối với tướng ngã v.v..., không trừ diệt, thì lúc hành khổ thấy có khổ nào, tức liền muốn bỏ tâm Bồ-đề. Do

đó nên lia các tướng, cho đến nói rộng. Đây là hiển bày về điều gì? Nếu người không phát tâm Bồ-đề thù thắng, liền có lỗi làm sinh tâm sân hận như thế. Tụng nêu:

Nhân sinh tâm không bỏ

Vì thế nên dốc cầu.

Hỏi: Nơi xứ nào, tâm là nhân sinh tâm ấy, mà khiến kiên cố siêng cầu. Lại ở nơi xứ nào là không xả bỏ nhân của tâm Bồ-đề khiến tinh tấn mong cầu? Tức là tâm không trụ. Văn viết: Nên lia các tướng để phát khởi tâm Chánh đẳng giác vô thượng.

+ Vì sao? Vì đây là hiển bày về nhân sinh khởi của tâm không trụ chấp. Nếu ở nơi xứ như sắc v.v..., có tâm trụ chấp: Thì ở đây tất không thể tiến cầu quả Phật.

+ Các Bồ-tát nên không chỗ trụ mà hành bồ thí: Ý của văn muốn nêu rõ bồ thí gồm thân cả sáu Ba-la-mật. Tức là sinh khởi phương tiện của tâm không trụ chấp. Nghĩa là, được nhẫn rồi, tuy gặp phải khổ mà không từ bỏ tâm Đại Bồ-đề.

Hỏi: Vì sao phát khởi hành tạo lợi ích cho hữu tình, lại khiến không trụ nơi sự lợi ích cho hữu tình? Đây tức lấy bỏ đồng môn, tâm nghi bèn khởi.

Đáp: Bồ-tát nên hành bồ thí như thế để tạo lợi ích cho chúng sinh. Đây là hiển bày về ý gì? Tụng nêu:

Nên biết kẻ chánh hành

Là nhân của lợi sinh

Nơi sự tướng hữu tình

Nên biết dứt trừ khắp.

Đó là nói về nghĩa nào?

Nói chánh hành ấy: Là nhân tạo lợi ích cho chúng sinh. Nên biết tức là tạo lợi ích cho hữu tình, nhưng không giữ lấy tướng mạo hiện có của hữu tình.

Thế nào là sự việc thuộc tướng mạo của hữu tình? Tụng nêu:

Sự kia gọi là tự.

+ Chúng sinh ấy: Tức là danh tự được nêu đặt, gọi là chúng sinh, cùng chỗ dựa là sự việc. Thế nào là chánh hành? Nghĩa là đối với sự tướng của chúng sinh đều trừ bỏ.

+ Do tướng của danh tự kia, tức là phi tướng. Do gốc của tự thể ấy không có. Tức chúng sinh kia không là chúng sinh, nghĩa là đối với năm uẩn gọi là chúng sinh, do tự thể của chúng sinh đó là không, nên ngã pháp ấy là không tánh. Vì sao? Vì do Đức Phật, Thế Tôn đều dứt trừ các tướng. Đây là làm rõ hai tướng ngã, pháp đều không. Vì sao có thể thành sự diệu tối thắng? Tụng nêu:

Hơn hết trừ bỏ tướng

Các Thế Tôn không đầy

Do thấy đúng tương ưng.

Đây là nêu bày về gì? Do hai thứ kia không phải là tánh thật có, nhưng các Đại sư quyết trừ bỏ tướng ấy. Chư Như Lai cùng với thấy đúng tương ưng, nên quả không trụ nơi phần vị của nhân, do đâu có thể thấy nhân của quả kia? Đã có nghi ấy, nên đáp: Như kinh nói: Này Diệu Sinh! Như Lai là thật ngữ (có bốn câu). Tụng nêu:

Quả không trụ vị nhân

Là đạt nhân quả kia

Thế Tôn nói lời thật

Nên biết có bốn thứ.

Tánh của thật ngữ ấy có bốn thứ. Những gì là bốn? Tụng nêu:

Lập nên nói thừa dưới

Cùng nêu nghĩa Đại thừa

Do các sự thọ ký

Đều không có sai biệt.

Do Đức Phật lập thời hạn cần thiết, gốc cầu quả Phật không có sai lầm. Nơi Thừa thấp kém cùng với Đại thừa và các thọ ký, đều không lầm lẫn. Ở đây, luôn tùy theo thứ lớp: Thật ngữ (nói thật), như ngữ (nói như), nói không đối trá, nói không sai khác, mà cùng phối hợp.

+ Nói Như Lai: Là do nơi thừa Thanh-văn, giảng nói bốn đế như khổ v.v..., là thật không hư giả. Đối với Đại thừa thuyết pháp không tánh, hiển bày chân như, gọi là nhận biết thật, nên Như Lai là nghĩa nhận biết. Nơi tất cả thời quá khứ, hiện tại, vị lai, như sự thọ ký hiện có, đều không sai lầm, nên gọi là Như Lai. Kinh nói: Như Lai chứng đắc pháp, cùng thuyết giảng pháp. Đấy tức là phi thật phi vọng. Tụng nêu:

Không đạt chỗ thuận kia

Trái phải thật không vọng

Như lời mà chấp giữ

Đôi ứng nên tuyên thuyết.

Nói chur Như Lai thuyết pháp hiện có. Là nói đây không đạt kia (?), nhưng là tùy thuận nơi kia (?). Do thuyết pháp ấy không thể gần đạt pháp nội chứng, ở nơi ngôn thuyết thấp, không có thể tánh (?), nên không phải là thật (?). Do thuận theo kia (?) nên không phải là vọng ngôn (?).

+ Ta hiện chứng Chánh giác Vô thượng: Đây là nhằm căn cứ nơi đạo lý văn cú (?) mà có lời nói ấy.

Hỏi: Do đâu Đức Thế Tôn tự lập lời cốt yếu: Ta là người nói lời chân thật, nhưng pháp được nêu giảng là phi thật phi hư. Nói một gồm hai lý thành khó tin. Do đấy, đáp nói:

Như lời mà chấp giữ

Đôi kia nên tuyên thuyết.

Nói các Thánh nhân là chỗ hiển bày của vô vi: Tức tánh của chân như là thường hằng, có khắp. Vì sao quả Phật phải do tâm vô trụ mới có thể chứng đắc, không phải là tâm hữu trụ? Lại nữa, vì sao thật thể nơi chân như là thường hằng, có khắp, nhưng có trường hợp được, hoặc không đạt được? Vì

dứt trừ nghi vấn ấy, nên nói dụ về kẻ đi vào nơi tối tăm. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Tụng nêu:

Thường hằng, các xứ có

Nơi chân tánh không đạt

Do không biết, có trụ

Trí vô trụ, đạt thật.

Ở đây ý nói tánh của chân như tuy là thường hằng, có khắp, nhưng do không trí, tâm có trụ, tức không thể đạt được, là nghĩa không thanh tịnh. Do có trí, tâm không trụ, tức liền được thấy, là nghĩa thanh tịnh. Nhưng Đức Phật, Thế Tôn luôn là chỗ hiển bày của chân như, do lý ấy, nên vì tâm có trụ tức không thể chứng đắc. Tụng nêu:

Không trí, cũng như tối

Nên trí tối hoặc sáng

Chủ đối cùng chỗ trị

Được mắt đều hiện tiền.

Cũng như kẻ tối tăm, là cùng với nghĩa tối tăm tương tự, do đây, dùng tối tăm để so sánh với kẻ không hiểu biết. Dùng ánh sáng mặt trời để ví cho người đồng có trí, có mắt, như văn đã nêu đủ, nên nói:

Chủ đối cùng chỗ trị

Được mắt đều hiện tiền.

Theo chỗ ứng hợp, do người kia có mắt, nên hiển bày được xem là chủ thể đối trị. Đêm dài đã sáng rồi, là làm rõ việc phá trừ đối tượng được đối trị là bóng tối đã lui. Mặt trời sáng tỏ đã xuất hiện, là hiển bày, chủ thể đối trị hiện tiền. Ánh sáng mặt trời đã tỏa chiếu, thấy rõ các sắc, tượng. Văn tiếp sau muốn nói về sự việc gì? Tụng nêu:

Do hành đúng như thế

Đạt lượng phước như vậy

Nơi pháp kẻ hành đúng

Nghiệp dụng nay sẽ nói.

+ Do hành đúng như thế: Đây là nêu rõ về người hành đúng. Tụng nêu:

Nơi người có ba loại

Thọ trì, tụng, diễn nói.

Người có 3 loại:

1. Thọ trì.

2. Đọc tụng.

3. Diễn nói.

+ Nói thọ trì: Là người duy trì pháp.

+ Đọc tụng: Là dựa vào đa văn mà nói. Tuy không thể nhận giữ, nhưng do có thể đọc tụng, nên cũng thuộc về đa văn.

+ Nghĩa hành đúng: Tức là đạt được đủ khắp nghĩa ấy. Tụng nêu:

Nghĩa đạt do kẻ khác

Cùng nghe, nghĩ của mình.

Nghĩa đạt được, nhân từ nơi kẻ khác và chính mình. Thế nào là từ nơi kẻ khác? Vì sao do chính mình? Là do nghe, nghĩ. Như thứ lớp, từ nơi kẻ khác, cùng do chính mình mà đạt được: Là căn cứ vào nghĩa đạt được khắp. Đây tức là nghĩa hành đúng của người. Tụng nêu:

Đây là thành thực nội

Còn thành hữu tình khác

Do sự khi tánh lớn

Sơ phước, phước hơn hẳn.

+ Thọ trì v.v... ấy, chỉ là thành thực bên trong nơi chính mình.

+ Còn thành hữu tình khác: Tức là đối với kẻ khác, rộng vì họ thuyết giảng đúng đắn. Đạt lượng phước như vậy: Là hiển bày về số lượng phước kia có sai biệt.

+ Do sự khi tánh lớn, So phước, phước hơn hẳn: Đây là phước do xả bỏ thân mạng, so với phước do xả bỏ thân ở trước. Do sự lớn nên có sai biệt, cùng do thời gian lớn. Vì trong một ngày hãy còn dùng rất nhiều thân mạng mà hành bố thí. Lại trải qua nhiều thời gian, đối với pháp đã hành đúng, tức nghiệp dụng nay sẽ nói. Thế nào là nghiệp dụng của hành kia? Tụng nêu:

Không cảnh, tánh, riêng tánh

Chủ dựa là đại nhân

Cùng khó có thể nghe

Nhân vô thương tăng trưởng.

Nếu chỉ giữ chánh pháp

Nơi chốn dựa thành vật

Dứt trừ các nghiệp chướng

Mau đạt trí tánh thông.

Thế diệu, sự viên mãn

Quả báo rất tôn quý

Nơi pháp ấy tu hành

Nên biết đạt nghiệp kia.

+ Kinh nói: Không thể tư duy: Đây tức làm rõ không phải là phàm tình, so sánh, lường xét về cảnh giới của đối tượng hành.

+ Nói không thể nêu bày: Đó là hiển bày về phước đã đạt được của tánh riêng. Đối với hàng Thanh-văn là tánh không chung.

+ Nói vì tạo lợi ích cho các hữu tình phát khởi, hướng tới Thừa tối thượng tối thắng, nên thuyết giảng: Tức làm rõ pháp môn này là giáo pháp Đại thừa, chỗ dựa của bậc Đại nhân, gọi là hành của Đại thừa, Tối thượng thừa, gọi là Tối thắng thừa, nên kẻ ưa thích nẻo thấp kém không muốn nghe. Đây là nêu rõ về tánh khó được nghe, người nghe khó đạt được, do có thể thành tựu các nhóm phước không thể lường tính. Đó là hiển bày về nhân vô thượng tăng trưởng, giống phước tăng trưởng.

+ Ở đây vẫn nói không thể suy xét, không thể nêu bày: Nghĩa là do không phải là lường, không phải là xét, như thứ lớp nên biết.

+ Nên biết người ấy tức là dùng vai gánh vác: Đây là làm rõ người kia có thể nắm giữ pháp, do nắm giữ pháp tức là nắm giữ Bồ-đề.

+ Nơi chôn hiện có, nên dùng hương hoa cúng dường: Đây là nêu rõ về xứ của chỗ dựa, để xác nhận vật chứa đựng thắng diệu. Do bị hủy nhục: Tức nghiệp hiện có đáng lẽ phải sinh nơi nẻo ác, đều được tiêu trừ hết. Đây là làm rõ về nghiệp chướng đã được dứt trừ sạch.

+ Nói đây là sự thiện: Tức lúc gặp phải sự hủy nhục, nêu rõ người nhân nhục có tánh phước đức, nên nói đây là sự thiện.

+ Nơi trước thời Đức Phật Nhiên Đăng, cúng dường chư Phật, phước đức đạt được, so với người ở đời sau cùng đối với pháp môn này, có thể thọ trì v.v..., thì phước đạt được là nhiều hơn: Đây là nêu rõ về việc thành tựu được trí tánh thông, tư lương phước đều viên mãn. Cho đến nên biết kinh này là không thể nghĩ bàn: Đó là hiển bày về quả báo không thể lường xét. Tức là thể diệu, sự viên mãn, quả báo rất tôn quý. Nghĩa là đối với Hộ-thế, Đế-thích, Bà-la-môn, mọi viên mãn hiện có đều được thấu giữ.

+ Nói cuồng loạn: Nên biết đây là nhân của tâm cuồng.

+ Nói quả báo không thể lường xét: Tức hai thứ tánh nhiều, tánh thù thắng ấy, đều không phải là chỗ lường xét của phàm tình. Đây là đối với pháp hành đúng, nên có thể an trụ nơi các đức như vậy. Do đó, gọi đây là công dụng của quả báo nơi hành nghiệp đúng đắn.

Lại nữa, như ba thứ Hỏi - Đáp ở trước, ở đây lại hỏi nữa, nghĩa có gì sai khác? Đáp:

Do lúc tự thân hành

Xem mình là Bồ-tát

Gọi đó là chướng tâm

Trái với tâm không trụ.

+ Diệu Sinh! Thật không có pháp nào có thể gọi là Bồ-tát: Nếu không có Bồ-tát, thì vì sao Đức Như Lai, ở nơi Phật Nhiên Đăng hành trì hạnh Bồ-tát?

Đáp nghi này, nói: Thật không có pháp, để Như Lai ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng v.v... Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Tụng viết:

Thọ ký nơi thời sau

Nhiên Đăng, hành không hơn

Bồ-đề, hành kia đồng

Không thật, do nhân tạo.

Ở đây ý nói: Ta từ xưa, ở nơi trụ xứ của Phật Nhiên Đăng, không phải là hành trì hạnh Bồ-tát thắng thượng. Tức Ta thời xưa, lúc hành trì thật không có pháp để ở bên Đức Phật ấy chứng đắc chánh giác. Nếu chứng đắc chánh giác, tức Đức Phật ấy đã không thọ ký cho Ta thời sau thành Phật. Ý ở đây nói: Lúc hành trì vào thời ấy, tự cho là Ta sẽ thành Phật. Nếu nói Bồ-đề không có, thì Phật cũng là không, tức bác bỏ toàn bộ là không. Đức Phật vì trừ bỏ vấn nạn ấy, vẫn viết: Diệu Sinh! Nói Như Lai, tức là tên gọi khác của thật tánh, chân như. Tức nghĩa không điên đảo, gọi là thật tánh. Nghĩa không biến đổi, gọi là chân như.

Diệu Sinh! Nếu có người nói Như Lai chứng đắc Chánh đẳng giác vô thượng. Đây là trở lại bác bỏ toàn bộ thật không, có Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng. Đáp lại vấn nạn này, nói: Này Diệu Sinh! Như Lai hiện có pháp của chánh giác.

+ Đây tức là phi thật phi vọng: Đây có ý gì? Rõ ràng là lý của chân như là đối tượng được chứng đắc của Phật. Chúng tức không phải là thật, vì từ nhân sinh khởi. Nghĩa của các tướng hữu vi là tướng tích tụ. Chúng tức không có tướng như sắc v.v... Tụng nêu:

Không tướng kia là tướng

Nên hiển chẳng là vọng

Do pháp là pháp Phật

Đều không có là tướng.

Nghĩa là ở đây không có tướng như sắc, thanh v.v... kia. Tướng như sắc v.v... không là tự tướng của chúng. Do đây nên viết:

Không tướng kia là tướng

Nên hiển chẳng là vọng.

+ Vì thế, Đức Như Lai nói: Tất cả pháp tức là pháp Phật. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Do Đức Như Lai đã chứng đắc pháp ấy.

+ Vì pháp là pháp Phật, đều không phải là tướng hữu vi: Đó là làm rõ dùng vô vi làm thể, nêu bày tất cả pháp lấy chân như làm tự tánh. Đây mới chính là đối tượng được giác ngộ của Phật. Thế nên, tất cả pháp gọi là pháp Phật. Do đây, sắc v.v... không thể mang giữ tướng của tự thể kia. Các pháp như sắc, thanh v.v... kia hiện có, đều không là pháp. Do không là pháp, vì vậy ở đây xác nhận pháp kia tức là hoàn toàn có thể nắm giữ tướng không phải có. Dụ về trượng phu là làm rõ về điều gì? Tụng nêu:

Là do Pháp thân Phật

Nên biết dụ Trượng phu

Thân tròn đủ, không chướng

Là tánh hiện đủ khắp.

Cùng đạt được thể lớn

Cũng gọi là thân lớn

Không có thân là có

Nói tạo kia không thân.

Hai chướng phiền não và sở tri không còn, nên gọi là thân tròn đủ.

+ Nói hiện đủ khắp: Là nghĩa hành trì khắp, hiện hữu khắp các xứ nên gọi là thân đầy đủ:

Cùng đạt được thể lớn

Cũng gọi là thân lớn.

+ Đây là hành hiện có khắp: Nên biết tức là tánh của chân như. Ở trong các pháp không có tánh khác, nên gọi:

Thân phi hữu là có

Nói tạo kia không thân.

Tức Đức Như Lai nói là phi thân, do đây gọi là thân đầy đủ.

+ Thân lớn: Đây là nêu bày về nghĩa gì? Do phi hữu làm thân nên gọi đây là phi thân, tức tánh của chân như. Do vì không thân, thế nên gọi đây là thân đầy đủ, thân lớn.

+ Nếu nói không có Bồ-tát, thì chánh giác cũng không có. Đối tượng được giác ngộ cũng không. Cũng không chúng sinh khiến nhập Niết-bàn, cũng không làm nghiêm tịnh quốc độ của chư Phật, tức đâu có chỗ hành tác để các Bồ-tát v.v..., khiến các chúng sinh nhập nơi viên tịch, lại tác ý làm thanh tịnh cõi Phật? Vì đáp vấn nạn ấy nên có phần văn tiếp sau. Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Tụng nêu:

Chẳng rõ nơi pháp giới

Tâm tạo độ hữu tình

Cùng đất ruộng thanh tịnh

Đây gọi là đối vọng.

Hỏi: Nếu nói tâm ấy là đối vọng, vì đây không gọi là Bồ-tát. Nếu như thế thì do đâu được mang tên?

Đáp: Này Diệu Sinh! Nếu có người tin hiểu tất cả pháp là vô tánh. Tất cả pháp là vô tánh: Văn ấy nêu như thế là nhằm hiển bày về nghĩa gì? Đáp viết:

Nơi Bồ-tát, chúng sinh

Các pháp không tự tánh

Nếu hiểu, tuy không Thánh

Gọi Thánh tuệ, nên biết.

Đây là làm rõ về nghĩa gì?

Nói pháp không tánh, pháp không tánh: Đây là căn cứ vào pháp hiện có của chúng sinh cùng Bồ-tát, đối với chúng nếu có thể tin hiểu, hoặc thể gian, xuất thể gian, tức là phạm phu cùng Thánh, đều gọi là Bồ-tát. Do đây liền thành quyết định, chấp thuận có hai loại Bồ-tát Phú tục và Thắng nghĩa. Đây tức làm rõ về chỗ tùy thuận ấy, nên nói hai lần Bồ-tát, Bồ-tát.

Văn của kinh ở trước nói: Như Lai là chỗ hiển bày của vô đắc, nghĩa trở thành sáng rõ. Nếu như thế, thì đâu có Thánh nhân kia hoàn toàn không được thấy? Vì đáp lại vấn nạn đó, nên cho là có năm thứ mắt. Để làm rõ nghĩa ấy, tụng nêu:

Tuy không thấy các pháp

Đây chẳng phải không mắt

Phật gồm đủ năm thứ

Do nơi cảnh hư vọng.

Đây vì sao không là hư vọng? Vì đáp vấn nạn ấy, nên trước là nêu dụ xong. Các chúng sinh kia, với vô số tánh, tâm đó lưu chuyển, Như Lai đều nhận biết, nói rộng như thế. Ở đây là nêu rõ về gì? Nói pháp kia không phải là vọng thấy, chỉ do cảnh hư vọng. Thế nào là cảnh hư vọng? Nghĩa là vô số thức vọng. Tụng nêu:

Các thứ tâm lưu chuyển

Lìa nơi các niệm xứ

Tâm không giữ, luôn chuyển

Nên nói là hư vọng.

Tức là các thứ thức, có sáu thức khác nhau, lại là hư vọng. Do đâu gọi thức là tâm lưu chuyển? Kinh nêu: Như Lai nói là không Đà-la: Đây là làm rõ chỗ đã lia tách của niệm xứ. Do niệm xứ ấy là nơi chốn nắm giữ chúng. Pháp kia nếu không, tức là không nắm giữ. Đà-la, Nam-a-la, A-đa-la, ba tên gọi ấy cùng nêu bày hai nghĩa, đều được gọi là Nắm giữ, cũng có nghĩa là Lưu chú (Chảy tràn). Do không nắm giữ, nên tâm tức lưu tán.

+ Nói không nắm giữ: Là hiển bày về duyên của thường chuyển. Đã không nắm giữ nên hiện rõ sự luôn chuyển biến ấy, là tánh hư vọng.

+ Vì sao: Vì do có tâm quá khứ v.v..., không thể nói được. Gọi là tâm quá khứ, vị lai, vì là tánh của quá khứ, vị lai, là không thể thủ đắc. Về hiện tại: Tức là “Biến kế sở chấp”, tự tánh không phải là có. Đó là làm rõ về tâm lưu chuyển, là đối tượng duyên của tánh thức hư vọng, không có tánh của ba đời. Lại có ý gì khi nói dụ về nhóm phước? Đáp viết:

Nên biết trí ấy giữ

Phước mới không hư vọng

Hiển bày nhân của phước

Lại nêu dụ lần nữa.

Đây là nói về nghĩa gì? Tâm đã lưu chuyển, là tánh của vọng đối, nên nhóm (số lượng) phước hiện có, cũng đều thành hư giả. Đây đã là vọng, thì sao thành nơi thiên? Đã có nghi sâu, thì lý cần làm sáng tỏ. Đáp: Tâm lưu chuyển có thể là vọng. Gọi là nhóm phước, thể không là hư giả, do có trí chánh giác đã nắm giữ. Vì sao hiển bày đó là tánh nắm giữ. Như kinh nói: Này Diệu Sinh! Nếu nhóm phước ấy, Như Lai tức không nói là nhóm phước. Đây có nghĩa sâu xa gì? Do nắm thủ uẩn, thể là hư vọng. Nếu nhóm phước ấy là thủ uẩn, Như Lai tức không nói nhóm phước ấy là tánh của nhóm phước.

Không nói đó là nghĩa nơi xứ nắm giữ của trí. Nếu nói Như Lai là chỗ hiển bày của không phải tích tập, tạo tác, vì sao Như Lai nói có các tướng cùng các vẻ đẹp kèm theo? Vì trừ bỏ vấn nạn đó, nên nói: Không nên dùng sắc thân viên mãn cùng tướng đầy đủ để quán Như Lai.

+ Nói sắc thân: Là nghĩa gắn liền với tướng tốt.

HẾT - QUYỀN 2

LUẬN THÍCH KINH NĂNG ĐOẠN KIM CƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

QUYỀN 3

+ Như Lai nói đây là tướng đầy đủ, đó không phải là tướng đầy đủ, do đây nói là tướng đầy đủ. Đây là có ý gì? Tụng nêu:

Tức nơi Chân Pháp thân

Không tướng tốt viên mãn

Cũng không là tướng đủ

Tánh không thân, nên biết.

Nơi Pháp thân không riêng

Không Như Lai, không hai

Lại nói tướng đủ kia

Do hai thể đều không.

Nói Pháp thân thật không là sắc thân của tướng hảo viên mãn, nên biết cũng không là các tướng đầy đủ, vì chúng không có tánh của thân. Đó gọi là nghĩa của Pháp thân không có tướng đầy đủ. Cũng không phải là Như Lai không có hai thứ ấy, tức sắc thân viên mãn cùng tướng đầy đủ. Do hai thứ đó không lìa nơi Pháp thân, thế nên Như Lai có tướng tốt kia. Vì đây, nên nói lần nữa: Sắc thân viên mãn cùng tướng đầy đủ. Do cả hai đều không, thế nên hai thứ ấy cũng nói là không.

Nói đây không phải là viên mãn, thì đây cũng không phải là tướng đầy đủ, cũng nói là có, do nói sắc thân viên mãn cùng nói tướng đầy đủ. Đây là có ý gì? Do Pháp thân kia không có tướng hảo ấy, vì thế gọi đây là Như Lai.

Sắc thân viên mãn cùng với tướng đầy đủ, do so với thân kia là không cùng lia, nên tánh của Pháp thân tức không như thế. Nhưng Pháp thân không phải là tự tánh ấy.

Nếu nói không nên dùng sắc thân viên mãn cùng thân của tướng đầy đủ để quán Như Lai, thì vì sao Như Lai có chỗ thuyết pháp. Vì đáp lại vấn nạn ấy, ở đây tức do sự chấp giữ sai lạc mà hủy báng Như Lai, vì không thể hiểu được ý nghĩa do Như Lai đã giảng nói. Tụng nêu:

Như Lai nói cũng không

Nói hai là chỗ chấp.

Do ý gì nói hai lần: Thuyết pháp. Thuyết pháp? Tụng nêu: Nói hai là chỗ chấp. Thế nào là 2?

1. Là văn.

2. Là nghĩa.

Sở dĩ như thế, vì văn nêu: Không pháp có thể thuyết giảng. Đó gọi là thuyết pháp chăng? Đáp:

Do không lia pháp giới

Nói cũng không tự tánh.

Do không lia pháp giới, vì ngoài pháp giới ấy không có tự tánh của việc thuyết pháp có thể đạt được.

Nếu nói không có Đức Thế Tôn là chủ thể thuyết giảng, thì pháp của đối tượng được thuyết giảng cũng lại không lia nơi Pháp thân, nên thành không có. Như vậy, pháp thâm diệu làm sao có người kính tin? Nhằm dứt trừ vấn nạn ấy, nên đáp:

Năng thuyết, sở thuyết tuy thâm diệu

Nhưng cũng chẳng phải không kính tin.

* Kinh viết: Diệu Sinh! Phi chúng sinh kia, là phi phi chúng sinh: Đây có ý gì? Tụng nêu:

Do phi chúng sinh, phi phi sinh

Phi Thánh nên tánh Thánh tương ưng.

+ Các hữu tình có thể sinh kính tin: Vì họ là phi chúng sinh. Do các chúng sinh khác không cùng với tánh Thánh tương ưng, tức cùng với tánh phàm phu tương ưng.

+ Phi phi chúng sinh: Là do cùng với tánh Thánh tương ưng. Nghĩa ở đây, tức do chúng đối chiếu với tánh phàm phu, không là chúng sinh. Do so với tánh Thánh nhân, nên là phi phi chúng sinh. Vì sao? Vì chúng sinh, chúng sinh, Như Lai nói là phi chúng sinh. Đây là căn cứ nơi tánh của hàng phàm phu ngu, nhỏ.

+ Do đây, nói là chúng sinh: Đây là căn cứ nơi tánh của Thánh nhân. Nếu nói Như Lai từng không có pháp là đối tượng được nhận biết rõ, vì sao lia chúng, càng về sau, chánh tri theo thứ lớp, gọi là Chánh đẳng giác vô thượng? Để đáp lại vấn nạn ấy, tức chẳng phải là có pháp để có thể giác ngộ, mới gọi là Chánh giác Vô thượng. Tụng nêu:

Ít pháp nên không có

Vô thượng giác, nên biết

Do pháp giới không tăng

Tánh thanh tịnh, bình đẳng

Cùng phương tiện vô thượng.

Ở đây, cho đến không có một chút pháp nào có thể vượt hơn, nên gọi là vô thượng. Lại nữa, pháp giới không có tăng, vì pháp ấy bình đẳng, nên gọi là vô thượng thượng, vì tánh trên là không. Lại nữa, Pháp thân của Như Lai thanh tịnh, bình đẳng, nên pháp ấy là luôn như nhau, không có một tí tăng, nên gọi là vô thượng. Lại nữa, pháp ấy, tự tướng là vô ngã. Đây tức là cao. Tánh cao là không, nên gọi là vô thượng.

Lại nữa, đối với các phương tiện cũng là vô thượng. Các pháp thiện hiện có đều viên mãn, nên gọi là vô thượng. Ngoài Bồ-đề ấy ra, nơi các pháp thiện không viên mãn, tức phương tiện đó thật sự là hữu thượng. Đây chính là chỗ Như Lai nói là phi pháp.

+ Do đây gọi là pháp thiện: Ở đây có ý gì? Tụng nêu:

Do tánh lậu, phi pháp

Vì thế chẳng pháp thiện

Do đây gọi là thiện.

Do tánh hữu lậu, nên chúng không thể nắm giữ tướng hữu lậu, tức không thể duy trì. Do đây gọi là pháp thiện, tức vì tánh vô lậu quyết định có thể nắm giữ là tánh thiện.

+ Nếu cần dùng pháp thiện đạt được Đại Bồ-đề, thì mọi pháp thuyết giảng hiện có cũng không thể đạt được Bồ-đề, vì là tánh vô ký. Vì ngăn dứt vấn nạn ấy, nên lại nói về phước có sai biệt để đáp. Pháp được nêu giảng, giả như khiến là vô ký, thì chung cuộc vẫn có chỗ đạt được. Tụng nêu:

Nói pháp tuy vô ký

Không chẳng được, nên biết.

Do không phải lìa pháp ấy mới có thể đạt Bồ-đề, nên biết dựa vào đây Bồ-đề mới khế hợp. Tụng nêu:

Do một pháp bảo này

Hơn vô lượng báu kia.

Nên ở đây tuyên thuyết pháp bảo, so với vô biên các báu như vô số núi Diệu Cao ở trước, là hiển bày về phước có sai biệt. Giả như chia ra hàng trăm phần, thì cũng không thể bằng một, cho đến nói rộng. Tụng nêu:

Nơi các loại toán, thế

Nhân cũng có sai khác

Tâm tư nơi thế gian

Dụ chỗ không sánh kịp.

Đây là nói về nghĩa gì? Tức đem phước ấy so với nhóm phước ở trước. Là nói về các loại toán số, thể phần, nhân nơi bốn thứ sai biệt. Tìm xét khắp thế gian rồi, cũng không một dụ nào có thể so sánh.

+ Nói do toán số sai biệt: Là khởi đầu từ giả phân làm trăm phần, cho đến hoặc là toán phần, cũng không làm rõ chỗ sai khác.

+ Chỉ nói về tính toán: Đây tức nên biết là thấu gồm chung. Ngoài ra, còn kể đến các thứ toán số hiện có.

+ Hoặc là thể phần: Do thể lực ấy có sai biệt. Như người mạnh yếu, sự việc không như nhau.

+ Hoặc là tỷ số: Do phẩm loại sai khác. Nói loại phước này vốn không so đối về số lượng với loại phước ở trước. Như kẻ sang – hèn không cùng số đối chiếu.

+ Nhân: Là nêu rõ về nhân ấy. Quả cũng không can dự, nên nói kia cũng không thể cùng với đây làm nhân. Nơi thế gian này hoàn toàn không có dụ để có thể so đối với phước. Do phước ở trước ấy so với phước này thật là giảm thiểu, đều không đủ nói, nên viết là: Cho đến thí dụ cũng không thể đạt được.

+ Nếu nói pháp kia, tánh tướng bình đẳng, nên không bình đẳng, tức không có chủ thể hóa độ, đối tượng được hóa độ. Vì sao Đức Như Lai nói là giải thoát hữu tình? Vì nhằm loại trừ vấn nạn ấy nên khởi phần văn sau. Là để hiển bày về nghĩa gì? Tụng nêu:

Pháp giới là bình đẳng

Phật không độ chúng sinh

Nơi các tên cùng nhóm

Không ở ngoài pháp giới.

Phàm gọi là hữu tình, tức nơi uẩn xứ kia, do danh cùng uẩn, không ở ngoài pháp giới. Tức tánh của pháp giới ấy là bình đẳng. Vì thế, không từng có một chúng sinh nào có thể là đối tượng độ thoát của Như Lai. Đây tức vì sao nên có ngã chấp? Đó là có ý gì? Nếu nói chỉ giải thoát mỗi năm uẩn ấy mà thôi, thì đây tức là có sự thừa nhận chúng sinh. Do như thế nên tụng nêu:

Nếu khởi nơi pháp chấp

Cùng ngã chấp hơn, đồng

Định chấp thoát hữu tình

Là không chấp, vọng chấp.

Như viết: Này Diệu Sinh! Ngã chấp, Như Lai nói là phi chấp. Vọng chấp, Như Lai nói là phi sinh. Là nghĩa không thể sinh khởi pháp Thánh. Nếu nói không nên dùng tướng đầy đủ để quán Như Lai, vì không phải là tự tánh kia. Do là tự tánh của Pháp thân. Nhưng Pháp thân, tự tánh của Như Lai ấy, có thể dùng tướng đầy đủ để so sánh, nhận biết. Có người tạo nên vấn nạn như thế. Vì dứt trừ ý nghi, nên dấy khởi phần văn tiếp sau. Là nhằm làm rõ về nghĩa gì? Tụng nêu:

Chẳng nên dùng thể sắc

Chỉ Pháp thân Như Lai

Chớ khiến Chuyển luân vương

Cùng Như Lai ngang nhau.

Đây tức chỉ cho phước của tướng báo, cũng gọi là tướng đầy đủ. Do kia thành tựu đây, tức nhờ vào diệu lực của phước nên đạt được Bồ-đề. Có người nói như vậy: Đây tức Đức Như Lai dùng tướng đầy đủ kia để hiện chứng Chánh giác Vô thượng. Vì dứt bỏ ý ấy, nên nói: Không nên dùng tướng đầy đủ v.v... Là nhằm làm rõ về gì? Tụng nêu:

Tức quả báo tướng đủ

Phước viên mãn không nhận

Có thể tạo Pháp thân

Do phương tiện, tánh khác.

Do chân Pháp thân là tự tánh của trí, so với thể tánh của phước kia là không đồng. Hai tụng này, chính là hiển bày về nghĩa thế nào? Tụng nêu:

Nếu dùng sắc thấy Ta

Dùng âm thanh tìm Ta

Người kia khởi cần tà

Không thể được thấy Ta.

Nên quán pháp tánh Phật

Tức Pháp thân Đạo sư

Pháp tánh, tức khó biết

Kẻ kia không thể tỏ.

Trong hai tụng ấy, về nghĩa như đã nói. Tụng nêu:

Chỉ thấy sắc, nghe tiếng

Người ấy chẳng biết Phật

Pháp thân, chân như ấy

Chẳng phải cảnh giới thức.

Ý của văn này là nêu rõ, không nên dùng hai thứ sắc, thanh để quán Như Lai. Do đó phàm phu không thể thấy. Đây là thế nào? Tức người kia khởi tình tấn sai lạc (Cần tà). Là nói phàm phu đó vọng khởi tình tấn sai lạc, không dựa nơi chánh đạo, để cầu thấy Như Lai.

Đây gọi là pháp tánh, tức là chân như.

Nếu nói phước không chứng đắc Bồ-đề, thì đây tức nghiệp phước của Bồ-tát, quả đó nên đoạn. Vì giải thích nghi vấn ấy, nên có phần văn tiếp sau.

Nói tánh của phước ấy, tuy không thể tự mình tạo nên xứ giác ngộ, như tụng nêu:

Phước kia không hề mất

Quả báo không đoạn dứt

Được nhẫn cũng không đoạn

Do đạt không cầu niễ.

Lại luận về nhân phước

Vì đây nêu dụ kia

Phước ấy không có báo

Chánh nhận, không nhận vượt.

Do đây là tánh tư lương của trí kia. Lại còn là thể nào? Tức lại ở nơi phước đó đã nêu bày về dụ chẳng? Nên nói:

Được nhần cũng không đoạn

Do đạt không cầu niễ

Lại luận về nhân phước

Vì đây nêu dụ kia.

Lại có nghi vấn: Đã đắc pháp Nhẫn vô sinh, nên trí chẳng sinh. Các phước của Bồ-tát đều nên đoạn dứt. Vì hiển bày phước không đoạn dứt, lại thanh tịnh tốt cùng, tức phước đạt được đã nhiều, quả báo cũng hơn hẳn. Ở nơi pháp không sinh, chúng đắc vô tánh. Có hai thứ vô tánh. Do thể tánh của hai thứ ấy không sinh.

* Kinh nói: Này Diệu Sinh! Nên nhận lấy đúng, không nên nhận lấy vượt quá.

Thể nào là nhận lấy đúng, không nên thọ nhận vượt quá?

Đáp: Do phước kia không báo, nên thọ nhận đúng, không vượt quá. Phạm các phước hiện có, chiêu cảm quả báo, khiến đáng chán bỏ, nên biết sự thọ nhận ấy là nhận lấy vượt quá, như vượt quá đường chánh mà đi vào đường hiểm. Nhưng phước kia không chiêu cảm quả báo, do đó, chỗ thọ nhận như vậy là nhận lấy đúng đắn, không phải là vượt quá.

Hỏi: Nhóm phước của Bồ-tát đã không chiêu cảm báo, thì quả đạt được, làm sao có thể nhận biết?

Đáp:

Phước kia tạo quả hóa

Tạo lợi ích hữu tình

Sự ấy do tự nhiên

Thành Phật, hiện các phương.

Đến, đi cũng là hóa

Chánh giác luôn chẳng động

Nơi xứ pháp giới kia

Chẳng một, khác nên biết.

Chư Phật, Thế Tôn hiện các thứ biến hóa, không phải Như Lai kia hoặc đến hoặc đi v.v..., nên nói:

Sự ấy do tự nhiên

Thành Phật, hiện các phương

Đến, đi cũng là hóa

Chánh giác luôn chẳng động.

Vì hiển bày về nghĩa đó, nên sinh khởi phần văn sau.

Tùng không có đi, cũng không có đến, do đây nên gọi là Như Lai. Đây có ý thế nào? Nếu Như Lai có những dị biệt như đi, đến v.v..., tức là không đúng. Như tánh thường kia là không có biến đổi.

+ Nêu dụ về vi trần làm mực: Là dụ về gì, hiển bày về sự gì? Đáp:

Nơi xứ pháp giới kia

Chẳng một, khác nên biết.

Nói Như Lai ấy nơi xứ của pháp giới, tánh không phải một, không phải khác. Ý hiển bày về sự ấy, nên làm sáng rõ với dụ kia. Tụng nêu:

Vi trần dùng làm mực

Dụ hiển bày pháp giới.

Lại, thế giới làm mực, dụ làm rõ về nghĩa gì? Tụng nêu:

Luận ấy tạo sự “Mực”

Làm rõ phiền não tận

Tánh không tụ, không hợp

Hiển thị phi một tánh

Nơi tánh hợp chung kia

Rõ tánh chẳng phải khác.

Ví như tạo thành mực, số lượng bụi bặm hiện có là rất nhiều, cực nhỏ, tánh không phải là một xứ, vật được tụ tập ấy không phải là một xứ, cũng không phải là tánh khác, là do tập hợp chung. Đây là do không có lý đoạn cắt mỗi mỗi riêng biệt, nên biết như thế. Chư Phật, Thế Tôn, ở trong pháp giới, đã dứt trừ hết phiền não chướng, tánh không phải là một xứ, cũng không phải là tánh khác. Đó tức là gồm nêu Tam thiên đại thiên thế giới, không là tánh tụ, cùng là tánh tụ, dị ấy cũng đồng.

+ Như Lai nói chẳng phải là tánh tụ, thế nên nói là cực vi tụ: Đây là làm rõ về nghĩa gì? Nếu vật được tích tụ ấy là một, thì không nên gọi đây là tụ cực vi. Lại, nếu là một giới, cũng không nên nói Tam thiên đại thiên thế giới. Do vậy nên nói: Đây tức là chấp có tụ. Đây tức Như Lai nói là phi chấp, chẳng là chấp tụ. Vì vọng chấp ấy, nên nói là chấp tụ. Nhằm nêu rõ khác với đây, ngoài ra đều nên không chánh trí vô thượng (?). Lại có nhân gì? Các kẻ phàm phu, ở nơi thật không có tụ mà chấp chẳng? (?) Vì dứt trừ vấn nạn ấy nên nói, kẻ chấp kia, chỉ là theo tục luận mà nói có như thế. Đây là làm rõ về nghĩa gì? Tụng nêu:

Chẳng rõ, chỉ lời tục

Các phàm ngu vọng chấp.

+ Này Diệu Sinh! Các hữu tình nói Như Lai đã tuyên thuyết ngã kiến v.v...:
Đây là hiển bày về nghĩa gì? Tụng nêu:

Đoạn hai thứ ngã, pháp

Đó gọi là chứng giác.

Nói hai thứ ngã, pháp, thể là không, nên hai thứ ấy tuy nói được đoạn, nhưng cũng không chứng đắc Bồ-đề. Vậy đoạn cái gì mà có thể đạt được? Đáp: Do đoạn trừ hai kiến. Hai kiến ấy là đối tượng được đoạn trừ. Tụng nêu:

Vì thế, kiến, không kiến

Không cảnh, chấp hư vọng.

Do đây nên biết, thể của ngã là không. Các hữu tình, ngã kiến, Như Lai nói là phi kiến, do không có cảnh. Ý nói cảnh của ngã hiện có, nguyên lai là không. Văn viết: Nên gọi là ngã kiến: Là nêu rõ, do phân biệt hư vọng nên có. Như thế, nơi lý vô ngã, hiển bày tánh của kiến, không kiến xong, cũng là hiển bày tánh của kiến, không kiến đối với pháp. Do đây văn viết: Nơi tất cả pháp, nên nhận biết như thế. Nhưng tướng pháp ấy, tánh cũng là phi tướng, nên cũng như ngã kiến. Lại có ý gì? Hai kiến ngã, pháp đó nói là tánh phi kiến chăng? Đáp nêu:

Do đây là chương tể

Biết như vậy nên đoạn.

Nghĩa được hiển bày này, hai thứ ngã, pháp ấy, là kiến thủ. Đây nghĩa là chương vi tế. Do nơi hai sự, nhận biết đúng về tánh phi kiến như vậy, mới có thể đoạn trừ. Kinh viết: Nên biết như vậy! Nên thấy như vậy! Nên hiểu như vậy! Văn ấy nói, như tụng nêu:

Do đặc hai thứ trí

Cùng định, mới dứt trừ.

Nghĩa là, do trí phú tục, thắng nghĩa, cũng do định là chỗ dựa của hai trí ấy, mới dứt trừ chương kia.

Lại luận về phước có sai biệt là hiển bày về nghĩa gì? Tụng nêu:

Nêu phước rõ hóa thân

Phước vô tận, chẳng không.

Đức Như Lai tuy là tự nhiên rộng tạo mọi sự hóa dụng, nhưng hóa thân kia tuyên thuyết chánh pháp, tức là phước vô lậu, nên thành giới hạn không có tận.

Thế nào là chánh thuyết v.v...? Ý này là hiển bày Như Lai không tự nói Ta là hóa thân. Tụng nêu:

Lúc chư Phật thuyết pháp

Không nói thân là hóa

Chính do không tự nói

Nên là nói chân thật.

Đây là nói về những gì? Tức nhằm biện minh Như Lai tuy vì chúng sinh tuyên dương Pháp, Hóa, nhưng không tự nói: Ta là hóa thân. Do tạo không chánh thuyết như thế, nên việc ấy được gọi là chánh thuyết. Ý nêu rõ, nếu khác với đây, thì nơi các chúng sinh được hóa độ kia khiến họ không sinh cung kính. Đây chính là sự việc tạo lợi ích cho nhiều chúng sinh, lại là không pháp có thể thuyết giảng. Nếu nói Như Lai là hóa thân nhiều, thuyết pháp vô tận, vì sao Đức Phật lại nói có Niết-bàn? Vì giải thích nghi vấn ấy, nên tụng nêu:

Như Lai chứng Niết-bàn

Không tạo cũng chẳng khác.

Không phải các Như Lai chứng viên tịch là sự tạo tác. Tự tánh của hữu vi so với sự tạo tác ấy lại là không khác. Tuy hiện Niết-bàn mà là hóa hiện, chỉ rõ đồng nơi sinh tử để tạo lợi ích cho chúng sinh. Nhằm làm rõ Như Lai không trụ nơi Niết-bàn. Sinh tử, Niết-bàn, cả hai đều không trụ. Lại có nhân gì? Tức chỉ rõ đồng với sinh tử, nhưng không trụ nơi sự nhân duyên của sinh tử chẳng? Đáp nêu:

Hết thấy pháp hữu vi

Như sao, màng, đèn, huyễn

Sương, bọt, mộng, chớp, mây

Nên quán xét như thế

Hợp tạo ấy có chín

Dùng chánh trí để quán.

Do dùng chín sự như sao v.v... là đồng pháp – dụ, dụ cho chín thứ chánh trí quán nơi cảnh. Những gì là chín quán? Nên biết tức là chín thứ sự của đối tượng được quán. Sao gọi là đối tượng được quán? Tụng nêu:

Tướng kiến cùng với thức

Xứ ở, thân thọ dụng

Quá khứ cùng hiện còn

Chưa đến quan sát rõ.

Ở đây, nên quán kiến như tinh tú. Nghĩa là tâm pháp, chánh trí, ánh sáng như mặt trời đã xuất hiện thì ánh sáng của tinh tú kia hoàn toàn ẩn mất. Nên quán cảnh tướng của đối tượng duyên như người có mắt bị nhắm, nhìn thấy những vòng tròn li ti, là vọng hiện. Nên quán thức kia cũng như ngọn đèn. Ở đây, chủ thể nương dựa nhận thấy, do sức của ái cấu nhiễm mà được sinh. Nên quán nơi chốn cư trú cũng như huyễn ảo, tức khí thể gian có nhiều chất lạ, tánh không thật. Nên quán về thân ví như giọt sương, chỉ trụ trong chót lát. Quán sự thọ dụng cũng như đám bọt nước. Tánh thọ dụng ấy là do ba sự kết hợp mà sinh. Nên quán mọi sự hợp tạo đã có của quá khứ đồng nơi cảnh mộng, tánh chỉ là nhớ nghĩ. Nên quán sự việc hiện tại giống như ánh chớp, tánh mau chóng diệt mất. Nên quán vị lai, thể như lớp mây, thức A-lại-da ở nơi phần vị chủng tử, thể có thể thâm giữ các chủng tử.

Lúc tạo chín thứ quán xét ấy, có được lợi ích gì, đạt được thắng trí gì? Tụng nêu:

Do quán xét các tướng

Thọ dụng cùng đối dòi

Ở trong sự hữu vi

Đạt tự tại vô cầu.

Nghĩa này là thế nào? Quán pháp hữu vi có 3 thứ:

1. Do quán thấy cảnh, nhận biết: Tức là quán xét tướng hữu vi hợp tạo.
2. Do quán khí thể gian, thân cùng đối tượng thọ dụng. Tức là quán về sự thọ dụng. Ở đây là do chỗ thọ dụng kia.
3. Do quán về ba đời luôn chuyển biến sai biệt. Tức là quán về sự đối dòi, không dừng trụ.

Do quán ấy, nên có thể ở trong các pháp hữu vi đạt được tự tại tùy ý không chướng ngại. Vì vậy, khiến ở nơi sinh tử nhưng không nhiễm phiền não. Trí kia nếu chứng viên tịch “Khô thân”, thì đâu có vị của tâm bi. Tụng nêu:

Do pháp hy hữu chư Phật ấy
Đà-la-ni câu nghĩa thâm diệu
Từ Tôn quyết rồi nghĩa mở rộng
Đạt phước, khiến sinh chóng thanh tịnh.

HẾT - QUYỂN 3

HẾT